TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo

2. Ông Tống Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Dương Văn T, sinh năm 1991.

Nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: đường D, tổ A, khu phố C, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- *Bị đơn:* bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1991.

Nơi thường trú: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nơi tạm trú: Phòng C, đường T, tổ B, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Ông Dương Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 138, ngày 02/12/2019.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, không có sự trao đổi, bàn bạc, mỗi người tự làm lo cho người đó. Hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2021 đến nay, ông T và bà H đã không còn sống chung với nhau. Vợ chồng không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

Về con chung: ông T và bà H có 01 con chung là Dương Công T2, sinh ngày 07/02/2020. Hiện nay, cháu T2 đang sống cùng với mẹ của bà H tên là Nguyễn Thị T1. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông T đang làm việc tại Công ty TNHH D với mức lương hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng, ông T có nơi ở ổn định và có điều kiện về thời gian để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, ông T còn có sự hỗ trợ của mẹ ông T trong việc chăm sóc con chung. Từ khoảng cuối năm 2021, khi hai vợ chồng sống ly thân thì ông T trực tiếp nuôi con nhưng bà H lợi dụng việc qua thăm con đã đón con đi và gửi con về cho bà Nguyễn Thị T1 (mẹ bà H) ở tỉnh Khánh Hoà nuôi cháu T2 chứ bà H không trực tiếp nuôi con. Bà H thì thường xuyên đi công tác, uống rượu bia nên không đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn trình bày:*

Bà H thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn, nơi kết hôn. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hai vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nguyên nhân do hai vợ chồng tính tình không hợp với nhau, vợ chồng có quan điểm, lối sống khác nhau nên không thể chung sống với nhau được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà H đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: ông T và bà H có 01 con chung là Dương Công T2, sinh ngày 07/02/2020. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu T2 đang sống cùng với mẹ của bà H tên là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962, hiện đang ở tại thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T1 là mẹ ruột của bà Huỳnh Thị Ngọc H. Khi ông T và bà H mâu thuẫn thì bà H đã gửi cháu Dương Công T2, sinh ngày 07/02/2020 cho bà T1 nuôi được khoảng 04 tháng, sau đó bà H đưa cháu T2 vào Bình Dương. Đầu tháng 02/2024, bà H về quê ăn tết và gửi cháu T2 cho bà T1 nuôi đến nay. Bà T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, hàng tháng bà H gửi tiền cho bà T1. Bà

T1 vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu T2 đầy đủ về vật chất và tinh thần. Hiện nay, bà H gửi cháu T2 cho bà T1 nuôi dưỡng, sau khi bà H và ông T giải quyết xong thì bà H sẽ trực tiếp nuôi. Khi nào cháu T2 lớn thì sẽ hỏi ý kiến của cháu T2 muốn ở với ai thì người đó nuôi. Bà T1 không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Dương Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc H và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 02/12/2019, ông Dương Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, ông T xác định hai vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, không có sự trao đổi, bàn bạc, mỗi người tự làm lo cho người đó. Hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2021 đến nay, ông T và bà H đã không còn sống chung với nhau. Bà H cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do hai vợ chồng tính tình không hợp với nhau, vợ chồng có quan điểm, lối sống khác nhau nên không thể chung sống với nhau được và cũng đồng ý ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, giữa ông T và bà H cũng không đưa ra được hành động hay cách thức nào để hàn gắn tình cảm, để gia đình đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa ông T và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà H có 01 con chung là Dương Công T2, sinh ngày 07/02/2020. Ông T và bà H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện nay ông T và bà H đều đang trong độ tuổi lao động nhưng bà H lại giao cháu T2 cho bà Nguyễn Thị T1 là mẹ ruột của bà H nuôi dưỡng là vi phạm quyền và nghĩa vụ về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà H yêu cầu được nuôi con nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông T không có đủ điều kiện nuôi con. Xét ông T có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, việc ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Dương Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn T đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Dương Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc H.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Dương Công T2, sinh ngày 07/02/2020 cho ông Dương Văn T được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Dương Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001931 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- UBND xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung